

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2021/HS-ST
Ngày: 15/10/2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Ngọc Cúc
Ông Nguyễn Ngọc Anh

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Huy Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Cao Kỳ Dương– Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 97/2021/HSST ngày 15 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2021/QĐXXST- HS ngày 06 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 433/2021/HSST-QĐ ngày 17 tháng 9 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn S, sinh năm 1999; tại Đồng Nai; Nơi đăng ký thường trú: Ấp 1, xã M, huyện V, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S1, sinh năm 1961 và bà Lê Thị T, sinh năm 1964; Gia đình bị cáo có 04 anh em, bị cáo là con thứ ba, chưa có vợ; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/01/2021, chuyển tạm giam ngày 22/01/2021 cho đến nay. Bị cáo có mặt.

2. Phạm Ngọc H, sinh năm 1992; tại TP Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký thường trú: Ấp 1, xã M, huyện V, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 00; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn X, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1968; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con út, chưa có vợ; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/3/2021, chuyển tạm giam ngày 08/3/2021 cho đến nay. Bị cáo có mặt.

3. Nguyễn Văn M, sinh năm 1987; tại Campuchia; Nơi đăng ký thường trú: Ấp 1, xã M, huyện V, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 00; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D (Đã chết) và bà Nguyễn Thị B (Đã chết); Gia đình bị cáo có 07 anh chị em, bị cáo là con thứ sáu, có vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1991, có 01 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/01/2021, chuyển tạm giam ngày 22/01/2021 cho đến nay. Bị cáo có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 12/01/2021, Nguyễn Văn S đến nhà Nguyễn Văn M để trả số tiền 200.000 đồng M nhờ S bán giúp máy cắt cầm tay trước đó nhưng M không có nhà. S gặp Phạm Ngọc H rủ đi huyện T chuộc điện thoại, H sử dụng xe mô tô (không rõ biển số) mượn của anh Phạm Chí A, sinh năm 1999 trú tại ấp 1, xã M chở S đi. Sau khi chuộc điện thoại S và H vào quán uống nước, H rủ S dùng 200.000 đồng chưa trả nợ M mua ma túy về sử dụng chung với M, H sẽ nói với M cho S từ từ trả nợ số tiền 200.000 đồng, S đồng ý. Khoảng 10 giờ cùng ngày S và H đến căn nhà thuộc khu phố 2, thị trấn A, huyện V (trước đây là quán cà phê 777) mua ma túy thì thấy Vũ Văn V, sinh năm 1994, nơi đăng ký thường trú thị trấn P, huyện T, tỉnh Gia Lai đang ở trong. S đứng ngoài hàng rào lưới B40 giơ hai ngón tay làm tín hiệu với V mua 200.000 đồng ma túy, V đứng trong hàng rào B40 nhận tiền và giao gói ma túy cho S. Khi về nhà S tại xã M, H cầm bọc ma túy đến giao cho M, M nằm ngủ trên võng nhận gói ma túy cất trong túi quần. Sau khi H nói M không cho sử dụng chung ma túy, S sang gặp M xin lại một ít để sử dụng, M lấy bọc ma túy trong túi quần đưa cho S. S tự lấy một phần ma túy cho vào ống hút nhựa và dùng từ 20.000 đồng gói ma túy đưa lại cho M, M nhận ma túy cất vào túi quần rồi tiếp tục ngủ, M không biết S dùng tiền gói ma túy.

Đến 16 giờ 10 phút ngày 12/01/2021, Công an xã M kiểm tra hành chính nhà M, phát hiện trong túi quần bên trái của M 01 bọc nilon màu trắng hàn kín bên trong chứa tinh thể màu trắng (nghĩ là ma túy) đã lập biên bản phạm tội quả tang, lập hồ sơ Công an huyện xử lý theo quy định.

Khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, Nguyễn Văn S đến Công an xã M đầu thú và giao nộp số ma túy S cất giữ. Đến ngày 05/03/2021, Phạm Ngọc H đến Công an huyện V đầu thú khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Tang vật thu giữ: 01 bọc nilon màu trắng hàn kín bên trong có chứa tinh thể màu trắng nghĩ là ma túy đá; 01 đoạn ống hút nhựa bịt kín hai đầu bên trong có chứa các hạt nhỏ nghĩ là ma túy.

Tại Kết luận giám định số 87/KLGD-PC09 ngày 18/01/2021 của Giám định viên phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận: Mẫu tinh thể màu trắng (ký hiệu M1) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng

0,09542 gam, loại Methamphetamine; Mẫu tinh thể và chất bột màu trắng (ký hiệu M2) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng 0,04864 gam, loại Methamphetamine và heroin. Hoàn lại đối tượng sau giám định trong niêm phong số 87/KLGD-PC09.

Đối với xe mô tô không rõ biển số, Phạm Ngọc H mượn của anh Phạm Chí A đi chuộc điện thoại, anh A không biết H sử dụng xe mô tô đi mua ma túy nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V không thu giữ.

Xử lý tang vật: Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định trong niêm phong số 87/KLGD-PC09, biên bản niêm phong ngày 21/01/2021.

Đối với Vũ Văn V có hành vi bán trái phép chất ma túy cho Nguyễn Văn S và Phạm Ngọc H, Viện kiểm sát nhân dân huyện V đã truy tố tại bản Cáo trạng số 90/CT-VKSVC ngày 28/5/2021.

Bản cáo trạng số 94/CT-VKSVC ngày 15/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V truy tố các bị cáo Nguyễn Văn S, Phạm Ngọc H, Nguyễn Văn M về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 đề nghị xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn S, Phạm Ngọc H mỗi bị cáo từ 14 tháng đến 16 tháng tù, bị cáo Nguyễn Văn M từ 12 tháng đến 14 tháng tù; Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy mẫu vật còn lại sau giám định trong niêm phong số 87/KLGD-PC09, biên bản niêm phong ngày 21/01/2021; Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo thấy hành vi của mình là trái pháp luật, các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai và các tài liệu chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra vụ án, đã có đủ cơ sở xác định: Khoảng 10 giờ ngày 12/01/2021, các bị cáo Nguyễn Văn S, Phạm Ngọc H đến căn nhà thuộc khu phố 2, thị trấn A, huyện V (trước đây là quán cà phê 777) mua ma túy thì thấy Vũ Văn V, sinh năm 1994, nơi đăng ký

thường trú thị trấn P, huyện T, tỉnh Gia Lai đang ở trong. Bị cáo S đứng ngoài hàng rào lưới B40 giơ hai ngón tay làm tín hiệu với V mua 200.000 đồng ma túy, V đứng trong hàng rào B40 nhận tiền và giao gói ma túy cho bị cáo S. Khi về đến nhà bị cáo S tại xã M, bị cáo H cầm bìch ma túy đến giao cho bị cáo Nguyễn Văn M, bị cáo M nằm ngủ trên võng nhận gói ma túy cất trong túi quần. Sau khi bị cáo H nói bị cáo M không cho sử dụng chung ma túy, bị cáo S sang gặp bị cáo M xin lại một ít để sử dụng, bị cáo M lấy bìch ma túy trong túi quần đưa cho bị cáo S. Bị cáo S tự lấy một phần ma túy cho vào ống hút nhựa và dùng tờ 20.000 đồng gói ma túy đưa lại cho bị cáo M, bị cáo M nhận ma túy cất vào túi quần rồi tiếp tục ngủ, bị cáo M không biết bị cáo S dùng tiền gói ma túy. Đến 16 giờ 10 phút ngày 12/01/2021, Công an xã M kiểm tra hành chính nhà bị cáo M, phát hiện trong túi quần bên trái của bị cáo M có 01 bìch nilon màu trắng hàn kín bên trong chứa tinh thể màu trắng (nghĩ là ma túy) đã lập biên bản phạm tội quả tang, lập hồ sơ chuyển Công an huyện xử lý theo quy định. Khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo Nguyễn Văn S đến Công an xã M đầu thú và giao nộp số ma túy bị cáo S cất giữ. Đến ngày 05/03/2021, bị cáo Phạm Ngọc H đến Công an huyện V đầu thú khai nhận hành vi phạm tội như trên. Tại Kết luận giám định số 87/KLGD-PC09 ngày 18/01/2021 của Giám định viên phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận: Mẫu tinh thể màu trắng (ký hiệu M1) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng 0,09542 gam, loại Methamphetamine; Mẫu tinh thể và chất bột màu trắng (ký hiệu M2) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng 0,04864 gam, loại Methamphetamine và heroin. Hoàn lại đối tượng sau giám định trong niêm phong số 87/KLGD-PC09. Các bị cáo đồng ý với bản kết luận trên và không có ý kiến gì thêm.

[3] Như vậy, đã có đủ cơ sở xác định các bị cáo đã có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện V đã truy tố.

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, biết ma túy là chất gây nghiện được Nhà nước độc quyền quản lý về việc cất giữ, vận chuyển cũng như mua bán các loại chất này. Tuy nhiên, bị cáo H muốn sử dụng ma túy nên đã rủ bị cáo S đi mua về sử dụng chung với bị cáo M và đưa cho bị cáo M cất giữ. Hành vi của các bị cáo không những xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý các chất gây nghiện của Nhà nước mà kéo theo nhiều tệ nạn xã hội khác. Chính vì vậy, cần phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi mà các bị cáo đã thực hiện nhằm cải tạo, răn đe đối với các bị cáo cũng như phòng ngừa tội phạm nói chung.

Đối với các bị cáo H, S là người phải chịu mức hình phạt tù cao hơn so với bị cáo M. Bởi lẽ, các bị cáo là người giữ vai trò chính trực tiếp đi mua ma túy về cùng sử dụng chung với bị cáo M và đưa cho bị cáo M cất giữ. Đối với bị cáo M là đồng phạm với các bị cáo H, S cất giữ ma túy cho các bị cáo H, S do đó bị cáo cũng phải chịu mức hình phạt tương xứng với tính chất mức độ hành vi của bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo H, S sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã ra đầu thú và đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo M trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định trong niêm phong số 87/KLGD-PC09, biên bản niêm phong ngày 21/01/2021.

[7] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm i khoản 1 Điều 249; Điều 47; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 (Áp dụng đối với các bị cáo H, S); điểm s khoản 1 Điều 51 (Áp dụng đối với bị cáo M) của Bộ luật Hình sự; các Điều 106, 136, 327, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn S, Phạm Ngọc H, Nguyễn Văn M phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 01 (Một) năm 04 (Bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 13/01/2021.

Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc H 01 (Một) năm 04 (Bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 05/3/2021.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 01 (Một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 13/01/2021.

2. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định trong niêm phong số 87/KLGD-PC09, biên bản niêm phong ngày 21/01/2021 theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 15/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Đồng Nai.

3. Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn S, Phạm Ngọc H, Nguyễn Văn M mỗi người phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện V;
- Công an huyện V;
- Cơ quan THAHS huyện V;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan THADS huyện V;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Lâm